TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/HS-ST
Ngày: 17-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Trị.
Ông Trần Lâm Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4-Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Bùi Kim Châu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2026/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê Kim T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày: 16/9/2007 tại: huyện T1, tỉnh Bình Định (cũ); Nơi thường trú: thôn TN, xã B, tỉnh Gia Lai; Số CCCD: 052207013564, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 01/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Văn T2, sinh năm 1984 và bà: Lê Thị Q, sinh năm 1985. Vợ con: Chưa. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Gia Lai khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Đại diện theo pháp luật của bị cáo*: Lê Văn T2, sinh năm 1984 (có mặt).
Địa chỉ: thôn TN, xã B, tỉnh Gia Lai

- *Người bào chữa* cho bị cáo: Luật sư Trương Quốc D, Văn phòng luật sư BĐ, Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai (vắng mặt, có đơn).

- *Người bị hại*: Ông Nguyễn Tấn N, sinh năm 1929 (đã chết).

Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: thôn TN, xã B, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Kim T là người bị chậm phát triển tâm thần nhẹ, có tật chứng tác phong đáng kể; hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Vào sáng ngày 28/5/2025, trên đường đi mua đồ ăn sáng về, T ghé vào nhà ông Nguyễn Tấn N, sinh năm 1929 ở cùng địa phương để xin xoài và rủ Phan Tấn P, sinh năm 2008 (là cháu ngoại của ông N) đi chơi. Khi T đến thì chỉ có ông N đang nằm trên giường ở phòng khách, không có ai khác ở nhà. T hỏi xin xoài rồi ra vườn tìm nhưng không còn xoài, nên đi về nhà. Sau khi về nhà ăn sáng xong thì T muốn uống nước ngọt nhưng không có tiền để mua. T nhớ trước đây có nhiều lần đi chơi cùng P thì P hỏi xin tiền ông N để ăn uống nên T nghĩ ông N có tiền. Do đó vào khoảng 09 giờ cùng ngày, T đi bộ đến nhà ông N với mục đích xin tiền mua nước ngọt. Khi đến nơi thấy ông N vẫn đang nằm trên giường nên T vào đứng cạnh giường và hỏi xin tiền. Ông N do mắt đã mờ, tai nghe không rõ nên không nhận ra T mà nghĩ P đến xin tiền. Ông N ngồi dậy, lấy từ trong túi áo ra 01 túi vải màu đen, bên trong đựng tiền nhưng sau đó ông N nghe giọng và nhận ra T không phải cháu mình. Lúc này, T thấy ông N chần chừ chưa đưa tiền nên T sợ ông N không cho tiền nên nảy sinh ý định giật túi vải của ông N để lấy tiền. Sau đó T dùng tay phải giật lấy túi tiền của ông N và nhanh chóng quay đầu bỏ chạy, rồi T lấy trong túi vải ra một số tiền, gồm 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và ném túi vải lại về phía ông N. Ông N chân bị gãy không đi lại được nên chỉ ngồi một chỗ hô hoán nhưng không ai nghe thấy. Còn T bỏ chạy về nhà rồi sử dụng tờ tiền 100.000 đồng để mua đồ ăn, nước uống nhiều lần tại các tiệm tạp hóa ở địa phương, còn tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng thì T cất giấu trong túi áo để ở nhà.

Đến khoảng 18 giờ ngày 29/5/2025, bà Nguyễn Thị H (là con gái ông N, ở cùng địa phương) đến thăm ông N thì ông N kể lại sự việc và nhờ bà H trình báo sự việc đến Công an xã BT (nay là Công an xã B). Đến ngày 03/6/2025, ông N chết do già yếu.

Vật chứng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai thu giữ và xử lý:

- 01 túi vải màu đen, kích thước (11,5x17,2)cm, miệng túi có luồn dây buộc màu đen.

- 01 tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000 đồng, số seri IH 18144567;

Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng giao trả cho đại diện người bị hại là bà Nguyễn Thị H.

Về dân sự: Người đại diện theo pháp luật cho Lê Kim T là ông Lê Văn T2 và bà Lê Thị Q (cha mẹ của T) đã bồi thường cho đại diện bị hại là bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000 đồng. Đại diện bị hại không yêu cầu gì thêm và có đơn xin bãi nại, tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo T khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố là hoàn toàn đúng.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKSKV4 ngày 10/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Gia Lai đã truy tố bị cáo Lê Kim T về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Gia Lai giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Kim T phạm tội "Cướp giật tài sản".

Về hình phạt: đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; các điểm b, h, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự; các Điều 12, 119 Luật Tư pháp Người chưa thành niên: Xử phạt bị cáo Lê Kim T mức án từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; ấn định thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng.

Về dân sự: Đã bồi thường xong, không ai yêu cầu gì nên miễn xét.

Luận cứ bào chữa cho bị cáo Lê Kim T của luật sư Nguyễn Quốc D: Thống nhất như tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm g khoản 21 Điều 171; các điểm b, h, m, p, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 59 Bộ luật Hình sự, các khoản 1, 2, 3 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 12, khoản 3 Điều 115; khoản 2 Điều 118 Luật Tư pháp Người chưa thành niên cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Kim T: bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Theo lời khai của bị cáo, lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Vào khoảng 09 giờ ngày 28/5/2025, Lê Kim T sinh ngày 16/9/2007 (là người bị chậm phát triển tâm thần nhẹ, có tật chứng tác phong đáng kể; hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi) đến nhà ông Nguyễn Tấn N, sinh năm 1929 ở cùng địa phương với mục đích xin tiền mua nước ngọt uống. Ông N đã già yếu, mắt mờ, chân bị gãy nên chỉ ngồi một chỗ trên giường ở phòng khách. Khi thấy ông N lấy

túi vải màu đen đựng tiền từ trong người ra đang cầm trên tay, sợ ông N không cho tiền, nên ngay tức khắc T đã giật lấy túi tiền trên tay ông N rồi nhanh chóng chạy đến nơi khác, sau đó lấy 600.000 đồng bên trong và ném lại túi vải về phía ông N rồi T bỏ chạy về nhà. Số tiền chiếm đoạt được, T đã sử dụng 100.000 đồng để ăn uống cá nhân, còn lại 500.000 đồng bị Công an thu giữ.

[3] Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo T phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra cũng như các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ nên có đủ căn cứ để xác định: Bị cáo Lê Kim T đã có hành vi cướp giật tài sản (600.000đ) của ông Nguyễn Tấn N (là người già yếu). Đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội *"Cướp giật tài sản*" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Gia Lai truy tố bị cáo là có căn cứ.

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh, tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; gia đình bị cáo đã bồi thường xong bị hại; bị cáo là người bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi; gia đình bị hại đã bãi nại và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nghị nên áp dụng các tình tiết quy định tại điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Khi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nghị nên áp dụng các Điều 91, 101 Bộ luật hình sự và Điều 12, Điều 119 Luật Tư pháp Người chưa thành niên khi lượng hình. Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, nghị không cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

[7] Về dân sự: Đã bồi thường xong, miễn xét

[8] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 BLTTDS; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 135, 136, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng điểm g khoản 21 Điều 171; các điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự,

Áp dụng các Điều 12, 119 Luật Tư pháp Người chưa thành niên;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Kim T phạm tội "Cướp giật tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lê Kim T 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/4/2026).

Giao bị cáo Lê Kim T cho UBND xã B, tỉnh Gia Lai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về dân sự: Miễn xét

4. Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo Lê Kim T phải nộp: số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) - án phí hình sự sơ thẩm;

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo và các đương sự khác có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND KV4;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh;
- Phòng THADS KV4;
- Bị cáo; bị hại;
- Đương sự vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Giang Nam